

**CTCP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỒNG HÀ SƠN LA**

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

o0o

Số: 11/2018/CV/HSL

Sơn La, ngày 09 tháng 08 năm 2018

V/v: Công bố thông tin

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA
Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA
Trụ sở chính: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 02126 255 599 Email: info.honghasonla@gmail.com

Mã chứng khoán: HSL

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Sàn giao dịch: HSX

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Tiến Nam

Điện thoại: 02126 255 599

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La (số 1307.01/2018/BCTC-NVT2)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/08/2018 tại đường dẫn www.honghagroup.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCCK, UBCK;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN XUÂN GIÁP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	5 - 28
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018</i>	<i>5 - 8</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>9</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>10 - 11</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>12 - 28</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công Ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp ngày 07 tháng 02 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 6: 126.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2018: 126.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La
Điện thoại : 02126255599
Website : www.honghagroup.com.vn
Mã số thuế : 5500512492

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Giáp	Ủy viên
Ông Bùi Quý Ba	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Nam	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Dương Quỳnh Hoa	Trưởng ban
Bà Lê Thị Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Nguyễn Xuân Giáp	Tổng Giám đốc
Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sơn La, ngày 08 tháng 08 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp

Số : 1307.01/2018/BCTC- NVT2
Ngày : 08 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2018 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHKT số: 1690-2018-124-1

Trụ Sở Chính:
Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:
K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.086.292.817	124.028.893.638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.717.304.457	27.915.119.587
1. Tiền	111		5.717.304.457	2.915.119.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.669.335.031	59.805.843.019
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	51.220.693.631	45.565.548.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.648.641.400	14.126.944.641
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.800.000.000	113.350.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		67.504.987.825	35.959.994.053
1. Hàng tồn kho	141	V.6	67.504.987.825	35.959.994.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		194.665.504	347.936.979
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.495.454	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		192.170.050	347.936.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.941.118.104	45.922.481.054
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.713.571.883	26.798.045.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26.713.571.883	26.798.045.602
<i>Nguyên giá</i>	222		32.785.736.014	31.409.058.979
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.072.164.131)	(4.611.013.377)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.009.538.036
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	1.009.538.036
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	14.000.000.000	14.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.227.546.221	4.114.897.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.227.546.221	4.114.897.416
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		200.027.410.921	169.951.374.692

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		23.051.709.788	2.012.591.235
I. Nợ ngắn hạn	310		23.051.709.788	2.012.591.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.667.425.885	610.223.459
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	392.829.740
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	14.306.277	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	-	1.009.538.036
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.046.006	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	2.367.931.620	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.975.701.133	167.938.783.457
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	176.975.701.133	167.938.783.457
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.183.965.810	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.791.735.323	41.938.783.457
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.386.886.027	18.259.467.251
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.404.849.296	23.679.316.206
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		200.027.410.921	169.951.374.692

Người lập biểu

Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Oanh

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Giáp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.388.676.600	108.143.505.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.388.676.600	108.143.505.660
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.201.570.577	96.321.596.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.187.106.023	11.821.909.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	71.531.385	113.752.639
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	80.839.200	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	661.001.548	315.415.350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.516.796.660	11.620.246.723
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	42.328.837	332.421
13. Lợi nhuận khác	40		(42.328.837)	(332.421)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.474.467.823	11.619.914.302
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	69.618.527	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.404.849.296</u>	<u>11.619.914.302</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>815</u>	<u>830</u>

Người lập biểu

Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Oanh

Lập ngày 08 tháng 08 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Giáp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.474.467.823	11.619.914.392
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.461.150.754	1.388.049.328
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71.531.385)	(113.752.639)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.864.087.192	12.894.210.991
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.795.057.379)	(13.946.954.146)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(31.544.993.772)	384.992.223
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18.656.880.656	809.680.115
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(115.144.259)	93.889.632
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(55.312.250)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.989.539.812)	235.818.815
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(393.156.703)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	184.881.385	95.202.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(208.275.318)	95.202.639

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(22.197.815.130)	331.021.454
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 V.1	27.915.119.587	21.649.208.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	5.717.304.457	21.980.230.108

Người lập biểu

Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Oanh

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giáp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
 - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp: *Các Công ty liên doanh, liên kết:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	Số 24, Ngõ 85 Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	46,67%	46,67%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	03 – 10

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 “Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp”.

14. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b. Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.736.643.193	418.928.865
Tiền gửi ngân hàng	3.980.661.264	2.496.190.722
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	25.000.000.000
Cộng	<u>5.717.304.457</u>	<u>27.915.119.587</u>

**2. Các khoản đầu tư tài chính
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Cộng	<u>14.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>14.000.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà thành lập và hoạt động tại thành phố Hà Nội với lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà là 46,67%.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu	33.934.718.331	30.284.381.331
Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	12.699.551.900	13.024.619.857
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Việt Mỹ	3.017.143.050	-
Các khách hàng khác	1.569.280.350	2.256.547.190
Cộng	<u>51.220.693.631</u>	<u>45.565.548.378</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Agri-Vina	-	7.825.581.605
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Phương	-	2.570.175.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Minh Quang	-	1.009.538.036
Ứng trước tiền thu mua nông sản cho người dân	27.500.000.000	2.500.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.148.641.400	221.650.000
Cộng	<u>28.648.641.400</u>	<u>14.126.944.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên đi thu mua nông sản	1.800.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	113.350.000	-
Cộng	1.800.000.000	-	113.350.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	213.635.856	-	522.113.129	-
Thành phẩm	40.066.233.007	-	14.772.621.668	-
Hàng hóa	27.225.118.962	-	13.851.082.200	-
Hàng gửi đi bán	-	-	6.814.177.056	-
Cộng	67.504.987.825	-	35.959.994.053	-

7. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.495.454	-
Cộng	2.495.454	-

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	3.727.138.735	3.833.123.725
Công cụ dụng cụ xuất dùng	500.407.486	281.773.691
Cộng	4.227.546.221	4.114.897.416

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.994.000.480	21.415.058.499	31.409.058.979
Mua trong kỳ	-	367.138.999	367.138.999
Lắp đặt hoàn thành		1.009.538.036	1.009.538.036
Số cuối kỳ	9.994.000.480	22.791.735.534	32.785.736.014
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	32.500.000	32.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	996.076.122	3.614.937.255	4.611.013.377
Khấu hao trong kỳ	249.850.022	1.211.300.732	1.461.150.754
Số cuối kỳ	1.245.926.144	4.826.237.987	6.072.164.131
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.997.924.358	17.800.121.244	26.798.045.602
Số cuối kỳ	8.748.074.336	17.965.497.547	26.713.571.883

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm thiết bị tủ điện	1.009.538.036	-	(1.009.538.036)	-
Cộng	1.009.538.036	-	(1.009.538.036)	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Agi - Vina	20.535.136.785	20.535.136.785	-	-
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	-	-	605.621.250	605.621.250
Các nhà cung cấp khác	132.289.100	132.289.100	4.602.209	4.602.209
Cộng	20.667.425.885	20.667.425.885	610.223.459	610.223.459

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	69.618.527	(55.312.250)	14.306.277
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.988.000	(15.988.000)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	-	88.606.527	(74.300.250)	14.306.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bán Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí mua sắm thiết bị tủ điện phải trả	-	1.009.538.036
Cộng	-	1.009.538.036

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.737.204	-
Bảo hiểm y tế	213.786	-
Bảo hiểm thất nghiệp	95.016	-
Cộng	2.046.006	-

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	-	1.183.965.810	1.183.965.810
Quỹ phúc lợi	-	1.183.965.810	1.183.965.810
Cộng	-	2.367.931.620	2.367.931.620

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	126.000.000.000		18.259.467.251	144.259.467.251
Lợi nhuận trong năm trước	-		23.679.316.206	23.679.316.206
Số dư cuối năm trước	126.000.000.000		41.938.783.457	167.938.783.457
Số dư đầu kỳ này	126.000.000.000	-	41.938.783.457	167.938.783.457
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	11.404.849.296	11.404.849.296
Trích lập các quỹ (*)		1.183.965.810	(3.551.897.430)	(2.367.931.620)
Số dư cuối kỳ này	126.000.000.000	1.183.965.810	49.791.735.323	176.975.701.133

(*) Theo nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 14/06/2018 đã được thông qua, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng là 5%, quỹ phúc lợi là 5% và quỹ đầu tư phát triển là 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lê Văn Đức	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Xuân Giáp	12.500.000.000	12.500.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	1.100.000	4.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	1.200.000	4.500.000.000
Ông Phạm Văn Khuê	1.000.000	4.600.000.000
Ông Bùi Quý Ba	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Lê Thị Nam	200.000.000	200.000.000
Các cổ đông khác	86.296.700.000	72.400.000.000
Cộng	126.000.000.000	126.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông Lê Văn Đức	20.000.000.000	15,87%	20.000.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Giáp	12.500.000.000	9,92%	12.500.000.000	-
Ông Bùi Quý Ba	2.000.000.000	1,59%	2.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Nam	5.000.000.000	3,97%	5.000.000.000	-
Bà Lê Thị Nam	200.000.000	0,16%	200.000.000	-
Các cổ đông khác	86.300.000.000	68,49%	86.300.000.000	-
Cộng	126.000.000.000	100%	126.000.000.000	-

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.600.000	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.600.000	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán
Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồng Đô la Mỹ	234,95	240,29
Cộng	234,95	240,29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chờ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	41.743.331.550	20.927.912.835
Doanh thu bán thành phẩm	58.645.345.050	87.215.592.725
Cộng	100.388.676.600	108.143.505.560

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.735.189.088	20.699.474.399
Giá vốn của thành phẩm đã bán	51.323.301.676	74.681.319.685
Chi phí trong thời gian ngưng sản xuất theo mùa vụ	1.143.079.813	940.802.042
Cộng	88.201.570.577	96.321.596.126

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	71.531.385	113.752.639
Cộng	71.531.385	113.752.639

4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.839.200	-
Cộng	80.839.200	-

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	303.717.000	209.035.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.023.333	8.416.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.106.899	69.361.254
Thuế, phí và lệ phí	14.771.097	9.258.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.515.968	2.789.818
Các chi phí khác	29.867.251	16.554.133
Cộng	661.001.548	315.415.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	41.024.347	-
Tiền bảo hiểm xã hội nộp thiếu, lãi chậm nộp	1.304.490	332.421
Cộng	42.328.837	332.421

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**a. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.402.936.438	11.619.914.302
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản thuế bị phạt, truy thu</i>	42.328.837	22.332.421
<i>Khoản chậm nộp và lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	41.024.347	-
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.304.490	332.421
	-	22.000.000
Thu nhập chịu thuế	11.445.265.275	11.642.246.723
Thu nhập tính thuế	11.445.265.275	11.642.246.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.144.526.528	1.164.224.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.144.526.528)	(1.164.224.672)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các kỳ trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các hoạt động khác không được hưởng ưu đãi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.531.385	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế	71.531.385	-
Thu nhập tính thuế	71.531.385	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.306.277	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các kỳ trước	55.312.250	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	69.618.527	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.404.849.296	11.619.914.302
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.140.484.930)	(1.161.991.430)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.264.364.366	10.457.922.872
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.600.000	12.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	815	830

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi của kỳ trước được trích theo Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 14/06/2018 của Công ty với tỷ lệ trích trên lợi nhuận sau thuế là: 5% cho quỹ khen thưởng và 5% cho quỹ phúc lợi.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của kỳ này đang được tạm tính theo tỷ lệ bằng với tỷ lệ của kỳ trước.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.600.000	12.600.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.600.000	12.600.000

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.329.463.394	48.150.748.662
Chi phí nhân công	775.717.000	297.035.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.461.150.754	1.388.049.328
Thuế, phí lệ phí	14.771.097	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	943.574.106	92.096.426
Chi phí khác	162.980.169	28.246.281
Cộng	71.687.656.520	49.956.175.774

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	141.000.000	107.000.000
Cộng	141.000.000	107.000.000

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà là công ty liên kết.

Mua hàng hóa, vật tư	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	Công ty liên kết	-	5.228.268.750

2. Thông tin về bộ phận**a, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các hoạt động kinh doanh chính sau:**

Hoạt động sản xuất chế biến;

Hoạt động thương mại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	58.645.345.050	41.743.331.550	100.388.676.600
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.645.345.050	41.743.331.550	100.388.676.600
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	52.466.381.489	35.735.189.088	88.201.570.577
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			741.840.748
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			11.445.265.275
Doanh thu hoạt động tài chính			71.531.385
Chi phí khác			42.328.837
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			69.618.527
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			11.404.849.296
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	394.683.452	280.932.820	675.616.272
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	967.978.875	689.000.347	1.656.979.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	98.502.056.616	49.672.202.267	148.174.258.883
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			51.853.152.038
Tổng tài sản			200.027.410.921
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.324.124.715	7.727.585.073	23.051.709.788
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			23.051.709.788

b, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong kỳ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

a, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	20.667.425.885	-	-	20.667.425.885
Các khoản phải trả khác	2.046.006	-	-	2.046.006
Cộng	20.669.471.891	-	-	20.669.471.891
Số đầu năm				
Phải trả người bán	610.223.459	-	-	610.223.459
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Chi phí phải trả	1.009.538.036	-	-	1.009.538.036
Cộng	1.619.761.495	-	-	1.619.761.495

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.717.304.457	27.915.119.587	5.717.304.457	27.915.119.587
Phải thu khách hàng	51.220.693.631	45.565.548.378	51.220.693.631	45.565.548.378
Các khoản phải thu khác	1.800.000.000	113.350.000	1.800.000.000	113.350.000
Cộng	58.737.998.088	73.594.017.965	58.737.998.088	73.594.017.965
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	20.667.425.885	610.223.459	20.667.425.885	610.223.459
Các khoản phải trả khác	2.046.006	-	2.046.006	-
Chi phí phải trả	-	1.009.538.036	-	1.009.538.036
Cộng	20.669.471.891	1.619.761.495	20.669.471.891	1.619.761.495

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Địa chỉ: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Trong năm, Công ty đã tiến hành trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại như sau: (xem thuyết minh VI.8):

Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ	Mã số	Số liệu theo báo cáo soát xét kỳ trước	Số điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	922	830

Người lập biểu

Đỗ Lê Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Lê Oanh

Lập ngày 08 tháng 08 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Giáp